



Phụ lục

PHỤ LỤC ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG TRONG NĂM 2025 GIỮA CÁC BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG, ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số 2844 /QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Số vốn điều chỉnh giảm				
		Tổng số	Bao gồm:			Vốn từ nguồn tăng thu NSTW hằng năm
			Vốn từ nguồn Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 giao tại Nghị quyết số 29/2021/QH15			
			Tổng số	Trong đó:		
Vốn theo ngành, lĩnh vực	Vốn CTMTQG					
	Tổng số	11.140.678	6.613.078	6.370.296	242.782	4.527.600
A	Bộ, cơ quan Trung ương	5.395.681	4.855.081	4.790.044	65.037	540.600
1	Văn phòng Chủ tịch nước	14.990	14.990	14.990		
2	Văn phòng Chính phủ	66.200	66.200	66.200		
3	Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	45.822	45.822	45.822		
4	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	2.500.000	2.500.000	2.500.000		
5	Bộ Xây dựng	2.325.900	1.785.300	1.785.300		540.600
6	Bộ Y tế	123.397	123.397	123.397		
7	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	245.000	245.000	245.000		
8	Bộ Dân tộc và Tôn giáo	65.037	65.037		65.037	
9	Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam	9.335	9.335	9.335		
B	Địa phương	5.744.997	1.757.997	1.580.252	177.745	3.987.000
1	Thanh Hóa	4.500	4.500		4.500	
2	Nghệ An	33.040	33.040	14.796	18.244	

STT	Đơn vị	Số vốn điều chỉnh giảm					
		Tổng số	Bao gồm:			Vốn từ nguồn tăng thu NSTW hằng năm	
			Vốn từ nguồn Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 giao tại Nghị quyết số 29/2021/QH15				
			Tổng số	Trong đó:			
Vốn theo ngành, lĩnh vực	Vốn CTMTQG						
3	Quảng Trị	9.000	9.000		9.000		
4	Thành phố Huế	33.748	33.748		33.748		
5	Thành phố Đà Nẵng	188.376	188.376	184.904	3.472		
6	Quảng Ngãi	65.004	65.004		65.004		
7	Khánh Hòa	4.500	4.500		4.500		
8	Đắk Lắk	2.370	2.370		2.370		
9	Lâm Đồng	267.252	267.252	266.552	700		
10	Thành phố Cần Thơ	5.101.376	1.114.376	1.114.000	376	3.987.000	
11	An Giang	3.000	3.000		3.000		
12	Vĩnh Long	28.551	28.551		28.551		
13	Cà Mau	4.280	4.280		4.280		